

THỰC ĐƠN ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ
Trường PTDT bán trú THCS Mường Nhé
Thời gian ăn Từ ngày 1/2/2026 đến 8/2/2026
Số HS bán trú: 747 người

Thứ	Ngày	Sáng	Trưa	Tối
CN	1/2/2026			Trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ
2	2/2/2026	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
3	3/2/2026	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
4	4/2/2026	Bánh mỳ nhân đỗ	Thịt lợn rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bí xanh. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
5	5/2/2026	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
6	6/2/2026	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn kho củ cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
7	7/2/2026	Bánh mỳ nhân kem	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	
CN	8/2/2026			Trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ

Người lập



Nguyễn Thị Hương



Hiệu trưởng

Dương Tiến Công

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTDT BÀN TRƯNG NHÉ



CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 2 NĂM 2026

Thời gian ăn từ ngày 01/2/2026 đến ngày 8/2/2026

Số lượng người ăn: 747 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
CN 1/2/2026	Dầu ăn neptune	Lít	25	65.000	1.625.000													Gia vị ăn cả tháng
	Dầu rửa sunlight can	can	28	105.000	2.940.000													
	Cọ xoong	Bịch	2	50.000	100.000													
	Muối 1 lít hạt to	Kg	76	7.500	570.000													
	Mỹ chính vedan	Kg	10	68.000	680.000													
Tổng tiền																	5.915.000	
CN 1/2/2026																		
Tổng tiền										0							3.964.000	
Thứ hai 2/2/2026	Xôi thịt lợn băm	hộp	747	8.000	5.976.000	Thịt lợn rang, Canh rau cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	167	Cấp phát				Kg	167	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	110	157.000	17.270.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	68	157.000	10.676.000	
							Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000		Quả dứa	Kg	60	30.000	1.800.000	
							Rau cải	Kg	35	19.000	665.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
												0		Hành lá	Kg	1,0	45.000	
Tổng tiền											17.980.000						13.521.000	37.477.000
Thứ ba 3/2/2026																		
							Gạo tẻ	Kg	167	Cấp phát				Kg	167	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	68	157.000	10.676.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	160,0	110.000	17.600.000	
							Đậu phụ	kg	60	27.000	1.620.000		Gừng	Kg	4	40.000	160.000	
							Cà chua	kg	10	40.000	400.000		Bí đỏ	Kg	50	20.000	1.000.000	
Tổng tiền											45.000							

Thứ, ngày	Bữa sáng			Bữa trưa							Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
Thứ tư ngày 4/2/2026					Rau cải	Kg	35	19.000	665.000						18.760.000	38.142.000
	Bánh mì nhân đồ	gói	8000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	167	Cấp phát	13.406.000						Cấp phát	
					Thịt vai, mông lợn	Kg	110	157.000	17.270.000				Kg	1,0	45.000	45.000
					Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000				kg	60	20.000	1.200.000
					Rau bắp cải	Kg	35	19.000	665.000				kg	68	157.000	10.676.000
									0			Kg	50	20.000	1.000.000	
	Tổng tiền								17.980.000						12.921.000	36.877.000
Thứ năm 5/2/2026					Gạo tẻ	Kg	167	Cấp phát							Cấp phát	
	Xôi thịt lợn băm hộp		8.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Thịt vai, mông lợn	Kg	68	157.000	10.676.000				Kg	68,0	157.000	10.676.000
					Đậu phụ	kg	60	27.000	1.620.000				Kg	1,0	45.000	45.000
					Cà chua	kg	10	40.000	400.000				Kg	50	20.000	1.000.000
					Rau bắp cải	Kg	35	19.000	665.000				Kg	60	19.000	1.140.000
				Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000								
	Tổng tiền								13.406.000						12.861.000	32.243.000
Thứ sáu 6/2/2026					Gạo tẻ	Kg	167	Cấp phát							Cấp phát	
	Xôi rức thịt lợn hộp		8.000	Thịt lợn xay rang, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Thịt vai, mông lợn	Kg	110	157.000	17.270.000				Kg	1,0	45.000	45.000
					Hành lá	Kg	1,0	45.000	45.000				kg	60	24.000	1.440.000
					Rau bắp cải	Kg	35	19.000	665.000				kg	68	157.000	10.676.000
									0			Kg	50	20.000	1.000.000	
	Tổng tiền								17.980.000						13.161.000	37.117.000
Thứ 7 ngày 7/2/2026					Gạo tẻ	Kg	142	Cấp phát								
	Bánh mì nhân kem	gói	8000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Đậu phụ	Kg	60	27.000	1.620.000				Kg	60	27.000	1.620.000
					Hành lá	kg	1,0	45.000	45.000				kg	1,0	45.000	45.000
					Cà chua	kg	10,0	40.000	400.000				kg	10,0	40.000	400.000
					Thịt vai, mông lợn	Kg	65	157.000	10.205.000				Kg	65	157.000	10.205.000
				Rau bắp cải	Kg	30	19.000	570.000								
	Tổng tiền								12.840.000						0	18.816.000

